

Chúng tôi xin giới thiệu hướng dẫn giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 3: Becoming Independent được biên soạn bởi đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm chia sẻ với nội dung dịch rõ ràng và chính xác. Hỗ trợ các em tiếp thu bài mới và trau dồi vốn từ vựng hiệu quả.

Unit 3: Pronunciation (trang 18)

1. (trang 18 SBT Tiếng Anh 11 mới) Listen and mark the consonant sounds that link with the vowel sounds. Then practise reading the sentences. The first linking has been done for you as an example. (Nghe và đánh dấu phụ âm liên kết với nguyên âm. Sau đó thực hành đọc các câu. Liên kết đầu tiên đã được làm cho bạn như một ví dụ.)

Đáp án:

1. An-apple-a day keeps the doctor away.
2. Independent people believe-in themselves-and trust their-own-abilities.
3. She spends-an-hour-a day practising her-English.
4. He lives-on his-own-in-a small-apartment.
5. I took-on family responsibilities from-an-early age.

2. (trang 18 SBT Tiếng Anh 11 mới) Read the paragraph below and mark () the linked final consonants and initial vowels. (Đọc đoạn văn dưới đây và đánh dấu các phụ âm cuối được liên kết và các nguyên âm đầu.)

Đáp án:

Learning to live_independently sounds_easy, but_in reality, it_isn't. You'll have to learn to deal with your problems_instead_of waiting for someone_else to tell_you what to do. Keep_asking yourself questions like, 'How could_I handle such_a situation?' Look_at different_options_and try to solve your problems_on your own. Don't lo heart if you fail_once_in_a while. You need to know what failure feels like_and how to deal with_it.

Hướng dẫn dịch:

Học cách sống độc lập nghe có vẻ dễ dàng, nhưng trên thực tế, nó không phải vậy. Bạn sẽ phải học cách giải quyết vấn đề của mình thay vì đợi người khác nói cho bạn biết phải làm gì. Hãy tự hỏi mình những câu hỏi như, 'Làm thế nào tôi có thể xử lý một tình huống như vậy?' Xem xét các lựa chọn khác nhau và cố gắng giải quyết các vấn đề của riêng bạn. Đừng nản chí nếu bạn thất bại một lần. Bạn cần phải biết thất bại cảm thấy như thế nào và làm thế nào để đối mặt với nó.

Unit 3: Vocabulary & Grammar (trang 18)

1. (trang 18 SBT Tiếng Anh 11 mới) Complete the following crossword puzzle. (Hoàn thành trò chơi ô chữ.)

Đáp án:

1. RELIABLE 2. DECISIVE 3. WELL-INFORMED 4. SELF-RELIANT
5. RESPONSIBLE 6. INDEPENDENT 7. CONFIDENT

2. (trang 19 SBT Tiếng Anh 11 mới) Use the words from the crossword puzzle to complete the sentences. (Sử dụng các từ có trong trò chơi ô chữ để hoàn thành các câu.)

Đáp án:

1. well-informed 2. reliable / responsible 3. decisive 4. responsible/reliable
5. independent 6. self-reliant 7. confident

Hướng dẫn dịch:

1. Anh ấy được tôn trọng vì được thông tin đầy đủ về những gì đang diễn ra trên thế giới.
2. Anh ấy có thể được tin tưởng để làm tốt công việc. Anh ấy là một người rất đáng tin cậy / có trách nhiệm.
3. Nhóm của chúng tôi cần một người lãnh đạo quyết đoán có thể đưa ra các quyết định quan trọng một cách nhanh chóng và tự tin.
4. Anh ấy rất có trách nhiệm / đáng tin cậy. Và chúng ta có thể dựa vào anh ấy để hoàn thành nhiệm vụ một cách hiệu quả.
5. Nếu bạn muốn độc lập về mặt tài chính, hãy cố gắng tìm một công việc trả lương thật tốt để bạn không phải nhờ cậy vào cha mẹ của bạn.
6. Tất cả phụ huynh đều muốn con mình lớn lên tự lập và tự lực để họ không phải phụ thuộc vào người khác nhằm xin sự giúp đỡ.
7. Để trở nên tự tin, bạn cần phải nhận ra tài năng và phẩm chất tốt của bạn.

3. (trang 19 SBT Tiếng Anh 11 mới) Underline the mistakes in the following sentences and correct them. (Gạch chân những lỗi sai ở những câu sau đây và sửa lại chúng.)

Đáp án:

1. decisively => decisive
2. reliability => reliable
3. independent => dependent
4. confidence => confident
5. responsible => responsibility
6. confident => confidence
7. self-reliant => self-reliance
8. determined => determinedly

4. (trang 19 SBT Tiếng Anh 11 mới) Combine the sentences using the to-infinitive. (Kết hợp các câu sử dụng dạng nguyên thể to-V.)

Đáp án:

1. The students were excited to hear that the President would visit their school.
2. Laura is proud to be selected to represent her class at the May Festival.
3. I'm determined to win the race.
4. Mike is willing to volunteer to help at the special school for children with disabilities.
5. It's not easy to make him change his mind.
6. It's necessary for you to understand English culture to communicate with English people successfully.
7. It's interesting to talk to him.
8. Because of developments in medicine, it's quite possible for a lot of people to live to 100.

Hướng dẫn dịch:

1. Các học sinh đã rất vui mừng khi biết rằng Tổng thống sẽ đến thăm trường của họ.
2. Laura tự hào được chọn để đại diện cho lớp học của mình tại Lễ hội tháng Năm.
3. Tôi quyết tâm để giành chiến thắng cuộc đua.
4. Mike rất sẵn sàng đi làm tình nguyện để giúp đỡ tại trường đặc biệt dành cho trẻ khuyết tật.

5. Nó không dễ dàng để làm cho anh ta thay đổi suy nghĩ của mình.
6. Bạn cần hiểu văn hóa người Anh để giao tiếp với người Anh hiệu quả.
7. Thật thú vị khi nói chuyện với anh ấy.
8. Vì sự phát triển trong y học, có thể có rất nhiều người sống đến 100 tuổi.

5. (trang 20 SBT Tiếng Anh 11 mới) Rewrite the sentences, using the nouns in brackets and a to-infinitive so that the new sentence have the closest meaning to the given ones. (Viết lại các câu, sử dụng các danh từ trong ngoặc đơn và dạng nguyên thể để câu mới có nghĩa gần nhất với các câu đã cho.)

Đáp án:

1. Her ability to cook for herself makes her more independent.
2. We were very impressed by her effort to overcome difficulties.
3. Her teachers like her because of her willingness to learn.
4. Her wish to visit the UK made her work harder at her English language skills.
5. I agreed with his suggestion to take part in more outdoor activities.
6. The headmaster refused to give us permission to go camping in the mountains.
7. She was very disappointed because of her father's failure to attend the teacher-parent meeting.

Hướng dẫn dịch:

1. Khả năng tự nấu ăn của cô ấy giúp cô ấy tự lập hơn.
2. Chúng tôi đã rất ấn tượng với nỗ lực của cô ấy để vượt qua khó khăn.
3. Các giáo viên của cô ấy thích cô ấy vì sự sẵn lòng học hỏi của cô.
4. Mong muốn của cô đến thăm Vương quốc Anh khiến cô làm việc chăm chỉ hơn trong các kỹ năng tiếng Anh của mình.
5. Tôi đồng ý với đề xuất của anh ấy để tham gia vào nhiều hoạt động ngoài trời hơn.
6. Hiệu trưởng đã từ chối cho phép chúng tôi đi cắm trại trên núi.
7. Cô ấy đã rất thất vọng vì sự vắng mặt của cha cô trong buổi họp giáo viên-phụ huynh.

Unit 3: Reading (trang 21)

1. (trang 21 SBT Tiếng Anh 11 mới) Read the text and put the sentences in the box into the appropriate gaps in the text. There is one extra sentence that you don't need to use. (Đọc văn bản và đặt các câu trong khung vào các khoảng trống thích hợp trong văn bản. Có thừa một câu mà bạn không cần phải sử dụng.)

Đáp án:

1. D 2. A 3. B

Hướng dẫn dịch:

Làm thế nào để sống tự lập, có lẽ là một trong những câu hỏi thường gặp nhất của mọi người, từ trẻ đến già. Theo các chuyên gia, có nhiều bước mà những người muốn trở nên tự lập nên làm theo. Dưới đây là một số trong số chúng.

Đầu tiên, bạn nên tin tưởng vào chính bản thân mình. Đó là điều kiện đầu tiên và quan trọng nhất để làm cho người khác tin vào bạn. Nếu bạn không có niềm tin vào bản thân, bạn sẽ luôn luôn hướng sang những người khác để được giúp đỡ mỗi khi bạn phải đưa ra quyết định. Tin tưởng vào bản thân bạn sẽ làm cho bạn tin tưởng vào quyết định của riêng bạn, ngay cả khi chúng hoàn toàn đi ngược lại với ý kiến người khác.

Thứ hai, chọn lọc thông tin của riêng bạn. Bạn nên xem và đọc tin tức từ các nguồn khác nhau. Điều quan trọng là phải đọc càng nhiều càng tốt, cho dù đó là văn học hay báo chí hàng ngày. Thông tin bạn nhận được từ việc đọc sẽ cho phép bạn nhận được cả hai mặt của mỗi câu chuyện trước khi bạn có thể hình thành một ý kiến. Được thông tin đầy đủ sẽ giúp bạn tránh phải làm người đi theo sau và sẽ dẫn đến suy nghĩ độc lập hơn.

Thứ ba, duy trì tình bạn vững chắc. Bạn không phải từ chối mọi người như bạn bè để trở nên độc lập. Trong thực tế, sự tự lập của bạn được củng cố với những người bạn tốt. Khi bạn của bạn cần ai đó để nói chuyện, hãy ở đó với họ, và lắng nghe những vấn đề của họ với thái độ thông cảm và thấu hiểu. Bằng cách này, bạn sẽ không chỉ giúp bạn bè của bạn, mà những câu chuyện của họ cũng sẽ giúp bạn học được cách làm thế nào để đối phó với những tình huống tương tự mà có thể xảy đến với bạn sau này trong cuộc sống của bạn.

2. (trang 22 SBT Tiếng Anh 11 mới) Choose the sentence that has the closest meaning to the original sentence. (Chọn câu có ý nghĩa gần nhất với câu đã cho.)

Đáp án:

1. A 2. C 3. B 4. A 5. C

3. (trang 22 SBT Tiếng Anh 11 mới) Read the text again and decide whether the following statements are true (T), false (F), or not given (NG). (Đọc lại đoạn văn bản và xác định xem những khẳng định sau đây là đúng (T), sai (F) hay là không được cho sẵn (NG).)

Đáp án:

1. F 2. T 3. NG 4. T

5. NG 6. T 7. T

Hướng dẫn dịch:

1. Bạn nên tin vào chính mình để những người khác sẽ giúp bạn khi bạn phải đưa ra quyết định.
2. Nếu bạn tin vào chính mình, bạn sẽ không sợ rằng quyết định của bạn khác với quyết định của người khác.
3. Bạn nên xem và đọc tin tức trên cả TV và Internet.
4. Khi bạn có nhiều thông tin, bạn có thể suy nghĩ độc lập hơn.
5. Những người từ chối bạn bè của họ không phải là độc lập.
6. Bạn có thể học hỏi từ kinh nghiệm của bạn bè.
7. Có ba bước để trở nên độc lập.

Unit 3: Speaking (trang 23)

1. (trang 23 SBT Tiếng Anh 11 mới) Tam and Thanh are talking about the skills that are the most important for them to live independently. Below is their conversation, but the lines are jumbled-up. Put them in the right order and then practise the conversation. (Tâm và Thanh đang nói về những kỹ năng quan trọng nhất để họ sống độc lập. Dưới đây là cuộc trò chuyện của họ, nhưng các dòng đang bị đảo lộn. Hãy đặt chúng theo đúng thứ tự và sau đó thực hành cuộc trò chuyện.)

Đáp án:

1. d 2. a 3. f

4. c 5. b 6. e

Hướng dẫn dịch:

Thanh: Có rất nhiều kỹ năng mà chúng ta cần có để trở nên độc lập. Điều nào là quan trọng nhất đối với bạn vậy Tâm?

Tâm: Vâng, tôi đồng ý, có rất nhiều kỹ năng. Nhưng kỹ năng quan trọng nhất đối với tớ là khả năng có thể chọn lọc được thông tin cho bản thân.

Thanh: Thật sao? Tại sao bạn nghĩ vậy?

Tâm: Bởi vì có rất nhiều thông tin giúp tớ tránh khỏi việc làm người theo sau và giúp tớ suy nghĩ độc lập hơn. Còn bạn thì sao?

Thanh: Tốt, bạn biết đấy, theo tớ, các kỹ năng lãnh mạnh và vệ sinh là quan trọng nhất. Tớ cảm thấy tự tin hơn khi tớ khỏe mạnh và đoàn trang.

Tâm:Ồ, thật hả? Tớ chưa bao giờ nghĩ về điều đó, nhưng tớ nghĩ bạn đúng.

2. (trang 23 SBT Tiếng Anh 11 mới) Work in pairs. One of you is Student A and the other is Student B. Make a similar conversation as the one in 1, using the suggestions below. (Làm việc theo cặp. Một trong số các em là học sinh A và người kia là học sinh B. Hãy thực hiện một cuộc trò chuyện tương tự như trong bài 1, sử dụng các gợi ý dưới đây.)

Đáp án:

Student A: Ask B what he/she thinks the most important skills are for him/her to become independent.

Student B: Tell A what you think the most important skills are.

Student A: Express surprise, and ask about the reason(s) why B thinks so.

Student B: Give reason(s). Then ask for A's opinion.

Student A: Tell B what you think the most important skills are and give reason(s).

Student B: Express surprise and agreement/disagreement.

Hướng dẫn dịch:

Học sinh A: Hỏi B xem anh / cô ấy nghĩ những kỹ năng quan trọng nhất là gì để anh ấy / cô ấy trở nên độc lập.

Học sinh B: Nói với bạn A những gì bạn nghĩ là những kỹ năng quan trọng nhất.

Học sinh A: Bày tỏ sự ngạc nhiên, và hỏi về lý do tại sao B nghĩ như vậy.

Học sinh B: Đưa ra lý do. Sau đó, hỏi về ý kiến của A.

Học sinh A: Cho B biết em nghĩ các kỹ năng quan trọng nhất là gì và đưa ra lý do.

Học sinh B: Bày tỏ sự ngạc nhiên và đồng tình/không đồng tình.

Unit 3: Writing (trang 24)

1. (trang 24 SBT Tiếng Anh 11 mới) Read the advertisement for short training courses provided by the CGC (Centre for Global Citizens). Then complete the table below with the information you can get from it and any further information you need if you want to take one of the courses. The first one (1) has been done for you as an example. (Đọc quảng cáo về các khóa học ngắn của Trung tâm cho công dân toàn cầu. Sau đó hoàn thành bảng dưới đây với các thông tin bạn có thể nhận được từ nó và bất kỳ thông tin thêm mà em cần nếu em muốn tham gia một trong các khóa học. Mục đầu tiên (1) đã được làm mẫu cho em.)

Đáp án:

Information from the advertisement	Further information you need to know
- The purpose of the courses	- Tuition fees / how to pay
- The names of the courses	- The levels of the foreign language courses
- How long the courses are	- When the courses start
- The location of the centre & contact person	- Teachers' experience
	- Whether certificates are awarded upon course completion

2. (trang 25 SBT Tiếng Anh 11 mới) Lan Anh is interested in learning about different cultures around the world. Use the words given to make complete sentences in her letter to Ms Jessica Greene. Add more words, if necessary. (Lan Anh rất quan tâm đến việc học hỏi những nền văn hoá khác nhau trên khắp thế giới. Sử dụng những từ được cho để hoàn thành các câu trong bức thư của cô ấy gửi cho cô Jessica Greene. Thêm các từ, nếu cần thiết.)

Đáp án:

June 1st, 20_

Dear Ms Greene,

I am 16 years old and I have just finished Grade 11 in May. I understand it is time for me to acquire some life skills and prepare for the outside world after I leave school. I would like to work for an international company and meet people from around the world.

I read in your advertisement that you offer courses on world cultures. Could you advise me which of the culture courses I should take? I would also like to know when each course starts, how much the tuition fee is and how I should pay.

I hope that your answers to my questions will help me to make the right decision about the course.

Thank you very much for your time. I look forward to hearing from you.

Sincerely,

Lan Anh

Hướng dẫn dịch:

Ngày 1 tháng 6 năm 20__

Thưa cô Greene,

Em 16 tuổi và em vừa học xong lớp 11 vào tháng Năm vừa qua. Em hiểu đã đến lúc em cần học hỏi được một số kỹ năng sống và chuẩn bị cho thế giới bên ngoài sau khi em tốt nghiệp. Em muốn làm việc cho một công ty quốc tế và gặp gỡ mọi người từ khắp nơi trên thế giới.

Em đọc trong quảng cáo của cô rằng cô cung cấp các khóa học về văn hóa thế giới. Cô có thể tư vấn cho em về những khóa học văn hóa nào mà em nên tham gia không ạ? Em cũng muốn biết khi nào mỗi khóa học bắt đầu, số tiền học phí là bao nhiêu và em phải trả như thế nào.

Em hy vọng rằng câu trả lời của cô cho câu hỏi của em sẽ giúp em đưa ra quyết định đúng đắn về khóa học.

Cảm ơn cô vì đã dành thời gian cho em. Em rất mong được nghe hồi âm của cô.

Trân trọng,

Lan Anh

3. (trang 25 SBT Tiếng Anh 11 mới) You are interested in one of the other courses. Write a letter to CGC to ask for further information about it, using the ideas in 1 and 2. Your letter should include the following parts: (Bạn quan tâm đến một trong các khóa học khác. Viết một lá thư cho CGC để hỏi thêm thông tin về nó, sử dụng các ý tưởng trong bài 1 và 2. Thư của bạn nên bao gồm các phần sau:

Đáp án:

June 15st, 2017

Dear Ms Greene,

I am 16 years old and I just finished Grade 11 last May. I believe that it is time for me to learn several essential life skills and prepare for the real world after I graduate. I would like to work in the foreign office and talk to the foreigners.

I read your advertisement and know that you offer courses on foreign languages. Could you give me an advice upon which of the foreign language courses I should take? I would also like to know when each course starts, how much the tuition fee is and how I can pay.

I hope that your answers to my questions will help me to make the right decision about the course.

Thank you very much for your time. I look forward to hearing from you.

Sincerely,

Minh Thu.

►► **CLICK NGAY** vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải về giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 3: Becoming Independent đầy đủ nhất (Có đáp án) file Word, pdf hoàn toàn miễn phí!